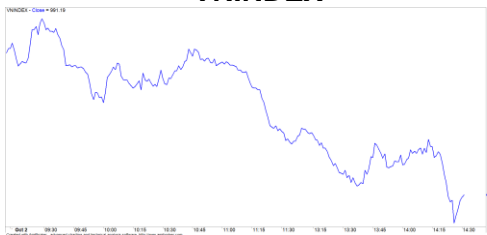


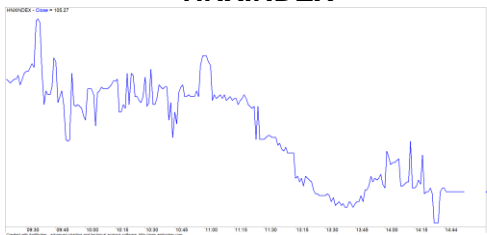
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.19	105.27	56.85
% ngày	-0.84%	-0.55%	0.02%
% tuần	0.39%	1.41%	0.23%
% tháng	0.72%	2.88%	-1.69%
% năm	-2.71%	-8.46%	4.87%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,136	312	238
TB 1 tuần	4,018	385	240
TB 1 tháng	3,966	377	273
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	525.64	7.60	23.96
Bán	871.48	13.09	26.18
Giá trị ròng	-345.85	-5.49	-2.22
Độ rộng TT			
Mã Tăng	96	55	175
Mã Giảm	199	85	108
Không Đổi	91	228	617
Chỉ số chính			
P/E	16.88	9.35	18.82
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,389	193	984
LS Cổ tức	1.36%	3.88%	5.31%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Lực bán áp đảo từ cuối phiên sáng khiến các chỉ số có phiên lao dốc mạnh. VN-Index chốt phiên giảm 0.84% dừng tại 991.19 điểm. Chỉ số HNX-Index trượt 0.55% neo tại 105.27. Riêng chỉ số Upcom-Index giữ sắc xanh với mức tăng vốn vẹn 0.01% chốt tại 56.85 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường tăng vọt lên hơn 4,000 tỷ đồng dưới áp lực bán được đẩy mạnh.

Độ rộng thị trường tiêu cực với số giảm gần gấp đôi mã tăng. Nhóm cổ phiếu trụ chứng kiến lực bán mạnh như GAS(-2.5%), MSN(-2.3%), VRE(-2.1%), VCB(-1.7%), VIC(-1.6%), CTG(-1.4%) giảm giá. VNM(-0.8%) có phiên giảm thứ 3 liên tiếp với khối lượng tăng mạnh hơn 2 triệu cổ phiếu. Đà giảm còn lan sang nhiều bluechip trong đó REE(-2.9%), FPT(-2.2%), DPM(-1.8%) là những mã có mức giảm tiêu cực nhất. VPB(+1.1%), SSI(+1.1%) là những bluechips giữ được động lực tăng giá. TDH cũng gây chú ý khi tăng 3.2% với thanh khoản khá đạt gần 1,8 triệu cổ phiếu.

Khối ngoại có cái nhìn tiêu cực về thị trường khi bán ròng phiên thứ 6 liên tiếp với tổng giá trị 353.5 tỷ đồng trên toàn thị trường. PDR dẫn đầu danh sách bán ròng với 89 tỷ nhưng chủ yếu thông qua hình thức thỏa thuận. VNM, VIC cũng bị bán ròng khá tương ứng 61.5 tỷ và 42 tỷ đồng. Ở chiều mua, SSI dẫn đầu danh sách mua ròng với 23.4 tỷ.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định mức trung bình 20 phiên, tức là mức 986.7 điểm trong phiên giao dịch 03/10/2019. Đồng thời, thị trường có khả năng sẽ bước vào giai đoạn tích lũy cho nên chúng tôi đánh giá thị trường có thể sẽ còn chịu áp lực điều chỉnh và thị trường có thể sẽ phân hóa trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ngắn hạn ở mức 985.90 điểm của chỉ số VN-Index và 103.16 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục để giảm bớt tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

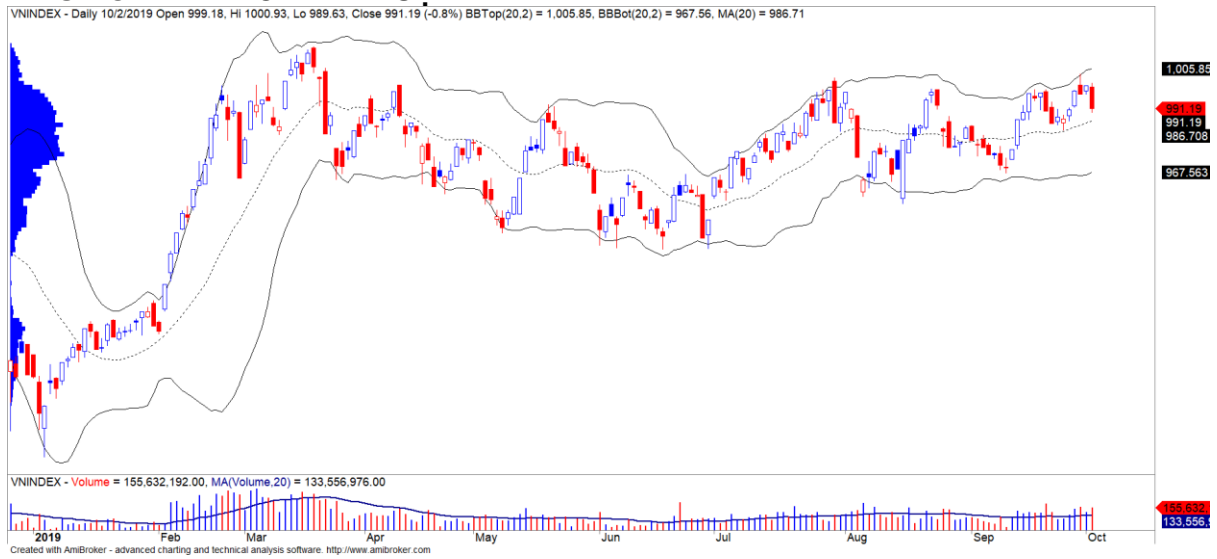
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.15	GIẢM	GIẢM		15.92				17.71		
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	76.50	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	0.92%			83.54		
ANV	25.50	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-1.54%			27.58		
ASM	7.52	TĂNG	TĂNG	6.30	7.13	19.37%		7.61	5.80	-1.18%	
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.26				16.76		
BID	40.20	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	23.12%		33.40	36.62	20.36%	
BMP	51.50	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.58%		48.30	45.90	6.63%	
BSR	9.40	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-6.93%			10.51		
BVH	74.80	TĂNG	GIẢM	74.80	72.82	0.00%			80.41		
BWE	26.05	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.25%		20.00	25.45	30.25%	
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.35	TĂNG	TĂNG	21.40	21.53	9.11%			22.49		
CMG	37.20	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	60.34%	
CMX	22.50	GIẢM	GIẢM		26.51			5.91	26.88	354.77%	BÁN
CSM	14.80	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.85%	
CTD	93.00	TĂNG	GIẢM	97.00	92.68	-4.12%			104.50		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
CTR	47.80	TĂNG	N/A	46.50	42.65	2.80%		-	N/A		
CVT	23.60	TĂNG	TĂNG	21.25	21.69	11.06%		20.35	18.94	15.97%	
DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.70			8.54	7.15	-13.58%	
DGC	26.50	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-4.68%			30.54		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	24.15	3.46%		23.50	21.79	8.30%	
DHA	30.85	GIẢM	GIẢM		32.91				35.00		
DHC	34.30	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.94%			35.33		
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.82	-0.53%			99.56		
DIG	14.95	TĂNG	TĂNG	14.25	13.88	4.91%		13.90	12.65	7.55%	
DPG	46.70	TĂNG	GIẢM	47.20	42.22	-1.06%			50.61		
DPM	13.30	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-2.21%			14.62		
DPR	37.25	GIẢM	GIẢM		38.03				42.08		
DQC	18.30	GIẢM	GIẢM		18.62				20.27		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		24.16			21.60	20.67	6.94%	
DXG	17.35	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	7.43%		15.50	14.48	11.94%	
EIB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		

We Create Fortune

FCN	12.90	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	1.98%			13.36		
FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-14.56%	
FPT	57.20	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	26.55%		46.00	52.65	24.35%	
GAS	103.50	TĂNG	GIẢM	105.20	102.13	-1.62%			109.55		
GEX	22.00	GIẢM	TĂNG	22.20	22.04	-0.71%	BÁN	20.20	20.77	8.91%	
GIL	20.20	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-3.81%			23.76		
GMD	27.40	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.97%		28.50	26.02	-3.86%	
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.88			15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.80	GIẢM	N/A		14.42				N/A		
HAG	4.62	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HAX	17.90	GIẢM	TĂNG		18.03			15.75	17.40	13.65%	BÁN
HBC	14.40	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	5.11%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDB	28.10	TĂNG	TĂNG	26.30	27.11	6.84%			27.71		
HDC	22.50	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	1.58%		15.25	18.89	47.54%	
HDG	35.50	TĂNG	TĂNG	35.50	35.37	0.00%	MUA	35.30	32.61	0.57%	
HNG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52		
HPG	21.75	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HSG	7.00	TĂNG	GIẢM	6.86	6.50	2.04%			7.44		
HT1	14.90	GIẢM	GIẢM		15.65				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVN	33.15	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60		
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.98%	
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.00	5.00%	
KSB	21.95	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-8.16%	
LCG	9.60	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.00%			10.47		
LDG	10.75	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	31.42%		9.89	8.90	8.70%	
LHG	16.15	GIẢM	GIẢM		17.09				19.15		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
LSS	4.99	GIẢM	GIẢM		5.18				5.62		
MBB	23.00	TĂNG	TĂNG	22.20	22.24	3.60%		21.85	20.13	5.26%	
MPC	25.40	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM	78.00	77.61	-0.50%	BÁN		81.93		
MSR	16.20	GIẢM	GIẢM		17.99				18.90		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	2.29%		88.70	113.67	41.15%	
NDN	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	24.09%	
NKG	5.62	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54		
NLG	28.60	TĂNG	TĂNG	28.60	28.58	0.00%	MUA	28.70	26.73	-0.35%	
NT2	23.95	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		

We Create Fortune

NTL	22.60	GIẢM	GIẢM		23.90			26.18			
NVL	63.50	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.78%		63.00	62.33	0.79%	MUA
OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.50			12.17			
PAC	29.50	TĂNG	GIẢM	28.70	26.77	2.79%		31.05			
PC1	20.35	GIẢM	TĂNG		21.49		21.10	18.48	-3.55%		
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57		29.00	25.01	-9.66%		
PHR	59.30	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	-1.82%		65.37			
PLX	60.10	GIẢM	TĂNG		61.98		62.40	59.59	-3.69%		
PNJ	80.60	GIẢM	TĂNG		82.93		104.00	78.69	-22.50%		
POW	12.80	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-0.78%		14.03			
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG		18.06		18.30	16.28	-7.10%		
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-2.26%		28.66			
PTB	70.80	TĂNG	TĂNG	69.70	67.00	1.58%		64.00	64.57	10.63%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.57		20.10	18.62	-5.47%		
PVD	17.40	GIẢM	TĂNG	18.50	17.46	-5.61%	BÁN	18.10	15.96	-3.87%	
PVI	34.00	GIẢM	GIẢM		34.64			37.43			
PVS	19.20	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-7.25%		21.78			
PXS	4.43	GIẢM	GIẢM		4.95			6.02			
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.22		33.80	27.80	-11.83%		
REE	38.05	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	2.42%		33.33	33.97	14.18%	
SAB	264.90	GIẢM	TĂNG		270.34		245.00	257.56	8.12%		
SAM	7.90	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.13%		7.40	7.47	6.76%	
SCR	6.51	GIẢM	GIẢM		6.69			7.01			
SHI	8.74	GIẢM	TĂNG		9.47		6.99	8.30	25.04%		
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.22		-	19.51			
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.46			12.13			
SSI	23.40	TĂNG	TĂNG	21.65	22.22	8.08%		23.26			
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-1.42%		11.09			
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	22.63	4.86%		22.65	20.77	4.86%	
TCM	22.70	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-1.30%		25.52			
TDH	11.25	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	19.68%		10.15	9.54	10.84%	
TLH	4.47	GIẢM	GIẢM		4.66			5.06			
TNG	17.60	GIẢM	GIẢM		18.86			20.81			
VCB	82.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	2.50%		62.00	74.69	32.26%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	108.50	TĂNG	TĂNG	87.80	99.09	23.58%		68.00	80.70	59.56%	
VGC	19.30	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	0.26%		20.53			
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	0.00%		9.82			
VHC	82.90	TĂNG	GIẢM	80.80	79.42	2.60%		87.84			

We Create Fortune

VHM	89.00	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.95%		90.20	80.11	-1.33%	
VIB	18.50	TĂNG	TĂNG	18.20	17.25	1.65%		17.70	16.40	4.52%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	5.36%	
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-1.36%			5.48		
VJC	137.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.52%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.17	13.09%		20.20	19.28	6.93%	
VNM	127.00	TĂNG	GIẢM	124.00	126.17	2.42%		130.10	128.24	-1.43%	MUA
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.47	18.32%		20.30	19.11	11.33%	
VPI	41.35	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-2.01%		41.30	39.30	0.12%	
VRC	15.40	GIẢM	GIẢM	15.30	15.42	0.80%	BÁN		16.26		
VRE	32.00	GIẢM	GIẢM		33.99			35.00	33.61	-3.98%	BÁN
VSC	27.00	GIẢM	GIẢM		28.68				31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	40.20	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	23.12%		33.40	36.62	20.36%	
BSR	9.40	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-6.93%			10.51		
BVH	74.80	TĂNG	GIẢM	74.80	72.82	0.00%			80.41		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
EIB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		
FPT	57.20	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	26.55%		41.00	52.65	39.52%	
GAS	103.50	TĂNG	GIẢM	105.20	102.13	-1.62%			109.55		
HDB	28.10	TĂNG	TĂNG	26.30	27.11	6.84%			27.71		
HNG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52		
HPG	21.75	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HVN	33.15	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60		
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.00	5.00%	
MBB	23.00	TĂNG	TĂNG	22.20	22.24	3.60%		21.27	20.13	8.13%	
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM	78.00	77.61	-0.50%	BÁN		81.93		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	2.29%		88.70	113.67	41.15%	
NVL	63.50	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.78%		63.00	62.33	0.79%	MUA
OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PLX	60.10	GIẢM	TĂNG		61.98			59.97	59.59	0.21%	
PNJ	80.60	GIẢM	TĂNG		82.93			77.88	78.69	3.49%	

We Create Fortune

POW	12.80	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-0.78%			14.03		
PVS	19.20	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-7.25%			21.78		
QNS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.22			33.80	27.80	-11.83%	
REE	38.05	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	2.42%		33.33	33.97	14.18%	
ROS	26.20	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-4.73%			29.25		
SSI	23.40	TĂNG	TĂNG	21.65	22.22	8.08%			23.26		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-1.42%			11.09		
TCB	23.75	TĂNG	TĂNG	22.65	22.63	4.86%		22.65	20.77	4.86%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-0.88%			N/A		
VCB	82.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	2.50%		62.00	74.69	32.26%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	55.50	TĂNG	GIẢM	55.20	53.83	0.54%			N/A		
VGI	32.40	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	89.00	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.95%		90.20	80.11	-1.33%	
VIB	18.50	TĂNG	TĂNG	18.20	17.25	1.65%		17.70	16.40	4.52%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		122.81			112.00	113.76	5.36%	
VJC	137.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.52%	
VNM	127.00	TĂNG	GIẢM	124.00	126.17	2.42%		130.10	128.24	-1.43%	MUA
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.47	18.32%		20.30	19.11	11.33%	
VRE	32.00	GIẢM	GIẢM		33.99			34.00	33.61	-1.15%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.15	GIẢM	GIẢM		15.92				17.71		
ANV	25.50	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-1.54%			27.58		
ASM	7.52	TĂNG	TĂNG	6.30	7.13	19.37%		7.61	5.80	-1.18%	
BMP	51.50	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.58%		48.30	45.90	6.63%	
BWE	26.05	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.25%		19.44	25.45	34.00%	
C4G	6.40	GIẢM	GIẢM		7.25				8.51		
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.35	TĂNG	TĂNG	21.40	21.53	9.11%			22.49		
CRE	24.60	GIẢM	GIẢM	25.40	24.63	-3.03%	BÁN		26.06		
CTI	24.40	TĂNG	GIẢM	24.00	23.39	1.67%			24.64		
CTR	47.80	TĂNG	#N/A	46.50	42.65	2.80%		-	#N/A		
DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.70			8.54	7.15	-13.58%	
DHC	34.30	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	3.94%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.95	TĂNG	TĂNG	14.25	13.88	4.91%		13.90	12.65	7.55%	
DPM	13.30	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-2.21%			14.62		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		24.16			21.60	20.67	6.94%	
DXG	17.35	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	7.43%		15.50	14.48	11.94%	
E1VFN30	15.28	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	4.51%		15.26	14.27	0.13%	
FCN	12.90	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	1.98%			13.36		
FLC	3.59	GIẢM	GIẢM		3.74				4.03		
FTM	3.63	GIẢM	GIẢM		3.63				8.42		
GEG	27.15	GIẢM	TĂNG		28.47			12.90	24.99	110.47%	
GEX	22.00	GIẢM	TĂNG	22.20	22.04	-0.71%	BÁN	20.20	20.77	8.91%	
GMD	27.40	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.97%		28.50	26.02	-3.86%	
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.88			15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.80	GIẢM	#N/A		14.42			-	#N/A		
HAG	4.62	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HBC	14.40	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	5.11%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDG	35.50	TĂNG	TĂNG	35.50	35.37	0.00%	MUA	35.30	32.61	0.57%	
HPX	26.10	GIẢM	#N/A		26.96			-	#N/A		
HSG	7.00	TĂNG	GIẢM	6.86	6.50	2.04%			7.44		
HT1	14.90	GIẢM	GIẢM		15.65				16.70		
IBC	20.30	GIẢM	TĂNG		20.57			24.90	20.15	-18.47%	BÁN
IDI	7.14	TĂNG	TĂNG	6.34	7.10	12.62%		7.53	5.67	-5.18%	
IJC	15.10	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-3.82%		13.10	13.12	15.27%	
ITA	3.16	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-3.95%		3.20	2.96	-1.25%	
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.98%	
KSB	21.95	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-8.16%	
LDG	10.75	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	31.42%		9.89	8.90	8.70%	
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
MBS	14.70	GIẢM	TĂNG	15.70	14.85	-5.44%	BÁN	16.00	14.25	-8.13%	
MPC	25.40	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
NBB	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	0.72%			22.02		
NKG	5.62	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54		
NLG	28.60	TĂNG	TĂNG	28.60	28.58	0.00%	MUA	28.70	26.73	-0.35%	
NT2	23.95	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		
NTC	167.50	TĂNG	GIẢM	168.90	157.51	-0.83%			192.49		
NTL	22.60	GIẢM	GIẢM		23.90				26.18		
NVB	8.40	TĂNG	TĂNG	7.60	7.87	10.53%		8.50	8.10	-1.18%	MUA
OGC	3.86	GIẢM	GIẢM		4.03				4.31		

We Create Fortune

PC1	20.35	GIẢM	TĂNG		21.49			19.30	18.48	5.44%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	11.04%	
PHR	59.30	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	-1.82%			65.37		
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-2.26%			28.66		
PTB	70.80	TĂNG	TĂNG	69.70	67.00	1.58%		60.78	64.57	16.49%	
PVD	17.40	GIẢM	TĂNG	18.50	17.46	-5.61%	BÁN	18.10	15.96	-3.87%	
PVI	34.00	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG		18.06			18.30	16.28	-7.10%	
QCG	4.54	GIẢM	GIẢM		4.79				5.28		
SAM	7.90	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.13%		7.40	7.47	6.76%	
SBT	17.85	TĂNG	TĂNG	16.50	17.42	8.18%		17.50	16.44	2.00%	
SCR	6.51	GIẢM	GIẢM		6.69				7.01		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	-1.52%			6.86		
SHS	8.70	TĂNG	TĂNG	7.40	7.83	17.57%		8.40	8.12	3.57%	MUA
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.22				19.51		
STK	18.55	GIẢM	GIẢM		20.58				24.27		
SZC	18.70	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	24.25	TĂNG	TĂNG	22.05	22.96	9.98%		22.50	21.23	7.78%	
TCM	22.70	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-1.30%			25.52		
TNG	17.60	GIẢM	GIẢM		18.86				20.81		
TTB	23.25	GIẢM	TĂNG		23.67			24.50	22.71	-5.10%	
VCI	36.00	TĂNG	TĂNG	34.50	33.85	4.35%		36.00	30.78	0.00%	
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	0.00%			9.82		
VHC	82.90	TĂNG	GIẢM	80.80	79.42	2.60%			87.84		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.17	13.09%		20.20	19.28	6.93%	
VPI	41.35	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-2.01%		41.30	39.30	0.12%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	GIẢM	#N/A		9.62			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.43	TĂNG	TĂNG	4.55	4.18	-2.64%		3.99	4.34	11.03%	
AMD	1.52	GIẢM	GIẢM		1.58				1.79		
APG	8.75	GIẢM	TĂNG	9.19	8.81	-4.16%	BÁN	9.90	7.90	-11.62%	
ART	1.90	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	-5.00%			2.25		
BCC	7.50	GIẢM	GIẢM		7.80				8.63		



We Create Fortune

BCG	8.30	TĂNG	TĂNG	5.82	8.13	42.61%		6.39	7.06	29.89%	
C69	26.80	TĂNG	TĂNG	18.30	26.02	46.45%		5.30	21.41	405.66%	
CCL	8.65	GIẢM	TĂNG		10.54			3.46	8.57	150.00%	
CRC	14.70	GIẢM	GIẢM		15.91			18.90	15.04	-20.40%	
CVT	23.60	TĂNG	TĂNG	21.25	21.69	11.06%		20.35	18.94	15.97%	
DAG	6.55	GIẢM	TĂNG		6.86			7.09	6.22	-7.62%	
DAH	9.70	GIẢM	GIẢM		10.48				12.12		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	24.15	3.46%		23.50	21.79	8.30%	
DLG	1.52	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-5.59%			1.65		
DRH	7.08	GIẢM	GIẢM		7.54				7.76		
DTD	14.70	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	13.95%	
EVG	2.63	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.07%			2.99		
FIT	3.40	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-5.29%		3.64	3.03	-6.59%	
GKM	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.00%			15.54		
HAH	14.00	GIẢM	TĂNG		14.97			13.00	13.89	7.69%	
HAI	1.61	GIẢM	GIẢM		1.67				1.86		
HAP	3.36	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-8.45%	
HAR	3.71	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	4.21%			3.88		
HCD	3.40	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-4.49%			3.95		
HDA	10.70	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-4.46%			12.07		
HDC	22.50	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	1.58%		15.25	18.89	47.54%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	3.13	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	2.96%			3.20		
HII	11.30	GIẢM	GIẢM	11.60	11.31	-2.54%	BÁN		12.29		
HQC	1.12	GIẢM	GIẢM		1.20				1.34		
HSL	7.89	GIẢM	TĂNG		8.65			9.84	7.71	-19.82%	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVG	2.88	GIẢM	GIẢM		3.05				3.75		
HVH	17.75	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	3.33	GIẢM	TĂNG	2.76	3.35	21.50%	BÁN	3.10	2.68	7.42%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.53	GIẢM	GIẢM		2.62				2.94		
LCG	9.60	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	0.00%			10.47		
LGL	10.15	GIẢM	TĂNG		11.04			7.11	9.49	42.69%	
LHG	16.15	GIẢM	GIẢM		17.09				19.15		
LMH	14.90	GIẢM	#N/A		16.22			-	#N/A		
MST	3.50	TĂNG	TĂNG	2.80	3.21	25.00%		3.40	3.16	2.94%	MUA
NDN	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	29.73%	
PHC	14.30	TĂNG	TĂNG	13.30	12.92	7.52%			13.46		

We Create Fortune

PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-5.47%	
PVC	7.10	TĂNG	TĂNG	7.30	6.88	-2.74%		7.10	6.67	0.00%	
PXL	4.90	GIẢM	GIẢM		5.26				6.65		
PXS	4.43	GIẢM	GIẢM		4.95				6.02		
QBS	3.02	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.00	GIẢM	GIẢM		7.37				9.13		
SHI	8.74	GIẢM	TĂNG		9.47			6.23	8.30	40.23%	
SJF	2.50	GIẢM	GIẢM	2.72	2.52	-7.51%	BÁN		3.30		
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.46				12.13		
TDH	11.25	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	19.68%		10.15	9.54	10.84%	
TIG	4.30	TĂNG	TĂNG	3.40	3.62	26.47%		3.20	3.03	34.38%	
TLD	4.50	GIẢM	GIẢM		4.92				7.06		
TLH	4.47	GIẢM	GIẢM		4.66				5.06		
TNI	10.40	TĂNG	GIẢM	10.30	10.06	0.97%			11.25		
TTF	2.78	GIẢM	GIẢM		2.98				3.40		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.08				3.39		
TVB	16.15	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.10	TĂNG	TĂNG	16.80	16.03	-4.17%		14.30	14.38	12.59%	
VC3	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.00%		22.00	21.61	5.45%	
VCR	20.00	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.43	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	2.39%			3.70		
VPG	22.80	TĂNG	TĂNG	21.40	22.27	6.54%		20.46	20.11	11.46%	
VRC	15.40	GIẢM	GIẢM	15.40	15.42	0.15%	BÁN		16.26		
YBM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.40				11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	991.19	-0.84%
VN30	919.73	-0.71%
VN Mid	983.87	-0.32%
VN Small	799.76	-0.65%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.27	-0.55%
HN30	191.47	-0.49%
VNX AllSh	883.91	-0.70%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.85	0.02%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	525.64	
Bán	871.48	
GT ròng	-345.85	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.60	
Bán	13.09	
GT ròng	-5.49	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	23.96	
Bán	26.18	
GT ròng	-2.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TV2	3100	3.48%
CSV	800	3.33%
PAC	950	3.33%
TDH	350	3.21%
VCI	1000	2.86%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TAR	1300	4.48%
MBG	900	2.60%
L14	1400	2.42%
HHC	2500	2.04%
SHS	100	1.16%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	1500	10.95%
SIP	3500	3.69%
VIB	600	3.35%
SDI	1400	1.98%
BOT	700	1.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACL	-1600	-4.91%
FDC	-800	-4.64%
IJC	-600	-3.82%
PHR	-2100	-3.42%
HNG	-500	-3.21%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBS	-300	-2.00%
NDN	-300	-1.73%
SHB	-100	-1.52%
TVC	-200	-1.23%
TNG	-200	-1.12%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	-3500	-9.21%
ABI	-1400	-4.79%
GVR	-400	-2.82%
MSR	-400	-2.41%
VGI	-700	-2.11%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820	
VCB	304,128	
VHM	298,107	
VNM	221,155	
GAS	198,094	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,263	
VCS	17,013	
VCG	11,661	
PVS	9,177	
PVI	7,858	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	165,522	
VGI	99,085	
VEA	73,239	
GVR	56,048	
MCH	52,163	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,584,670	21,135,057
MBB	8,891,121	4,783,378
VPB	7,035,320	4,564,576
PDR	5,594,582	1,266,020
HPG	4,962,700	5,044,315

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	2,457,718	4,385,747
ACB	2,160,122	2,283,170
NVB	1,922,400	1,004,384
PVS	1,442,653	2,283,538
TNG	1,150,330	756,145

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIB	4,110,128	909,635
LPB	1,376,581	369,089
BSR	1,139,454	1,733,609
GVR	601,430	691,638
HTM	395,007	311,563

Nguồn: Bloomberg & YSVN

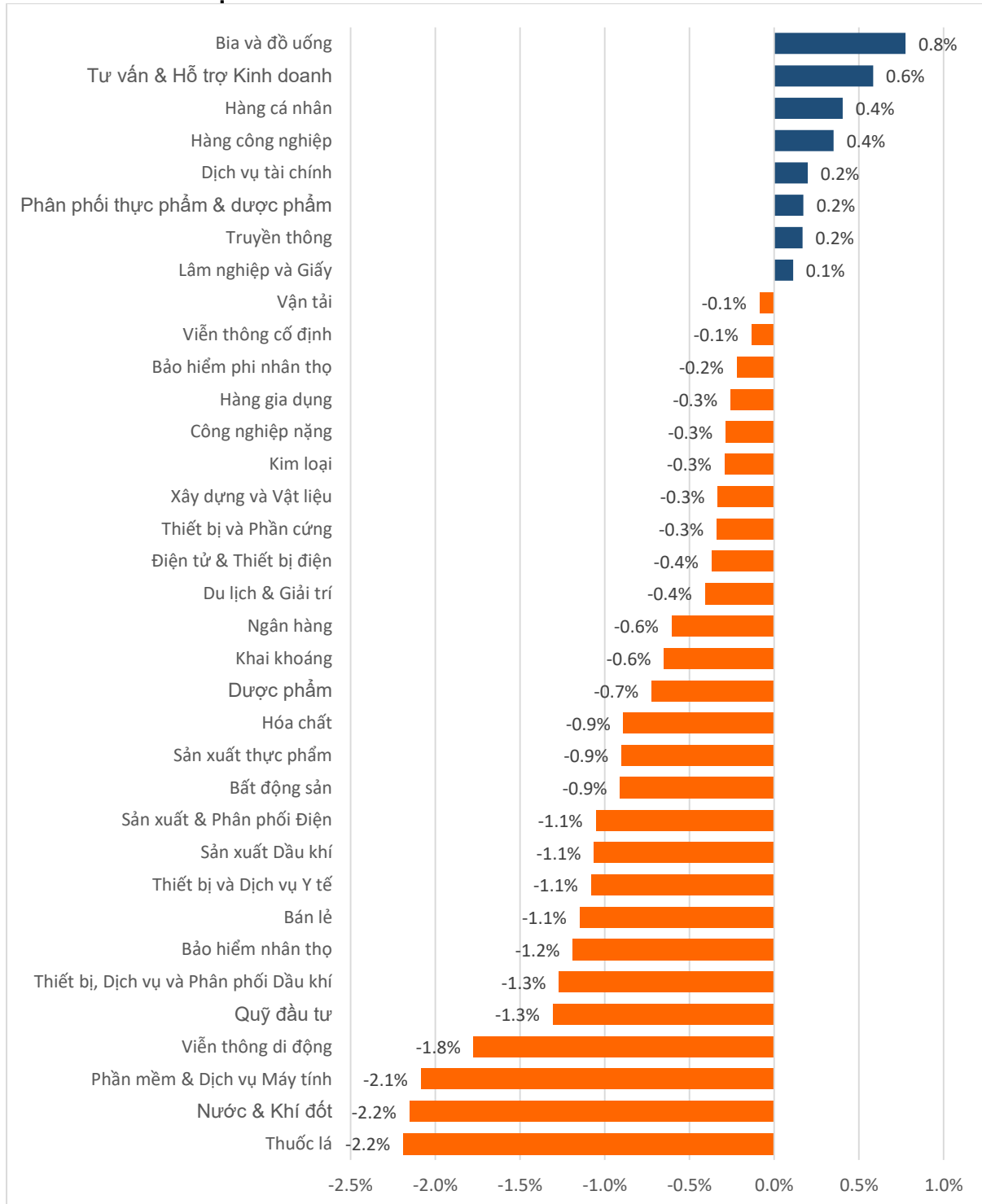
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



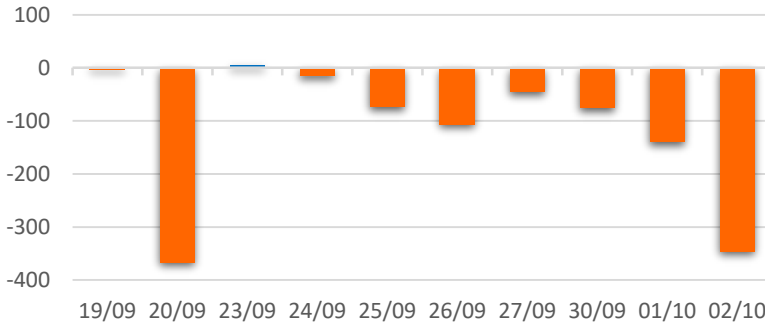
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

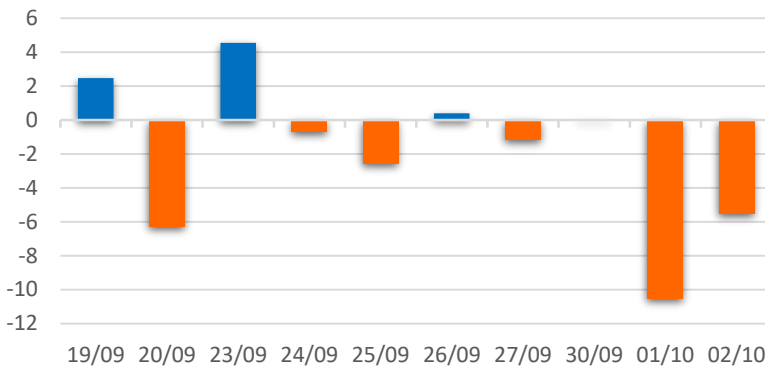
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SSI	23,412	PDR	89,041
DXG	18,255	VNM	61,503
ROS	13,049	VIC	41,999
HDB	9,552	HPG	34,358
BID	5,524	VRE	32,103

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

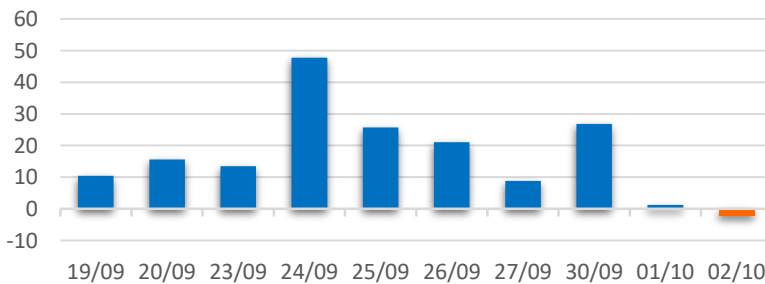
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	2,129	TNG	5,354
PVS	1,988	CEO	1,635
SED	477	NDN	1,617
SLS	149	VCS	666
SDT	127	DTD	438

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ABI	2,641	LPB	7,274
MCH	2,421	BSR	3,906
ACV	2,132	GVR	244
QNS	1,274	VOC	190
LTG	1,191	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



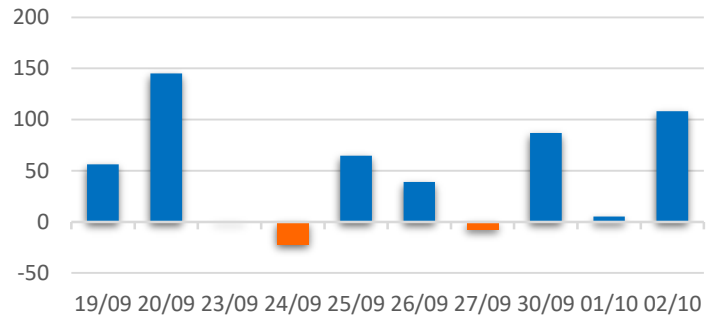
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

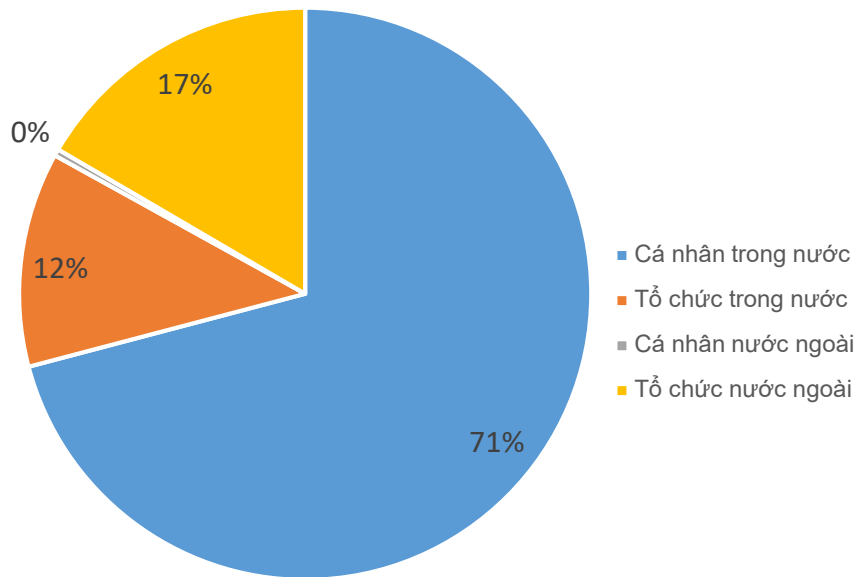
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	16,423	MBB	31,887
HPG	16,257	VPB	18,866
TCB	15,299	VNM	10,183
VNM	14,225	HDG	7,903
E1VFN30	12,489	MWG	6,540

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

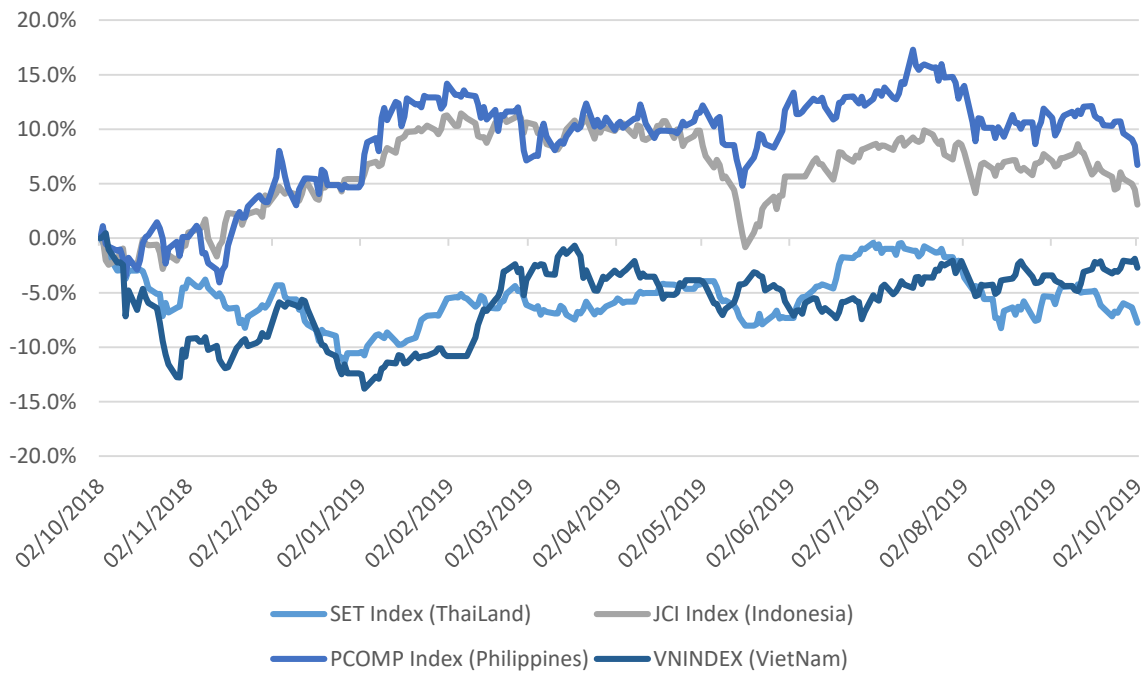


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

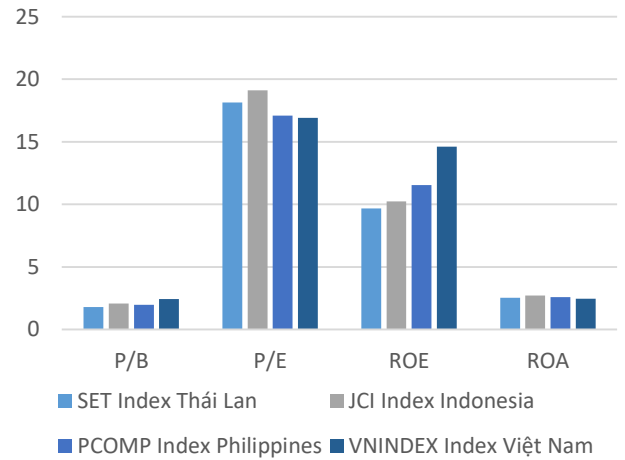
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.1x	19.1x	17.1x	16.9x
ROE	%	9.68	10.23	11.54	14.60
ROA	%	2.53	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	545.55	498.14	186.86	145.74
GTGD	Triệu USD	1.07	0.37	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.14	2.53	1.71	1.94

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written